

Name:

Class: S6

Ngày giao bài: Thứ, ngày/.....

Ngày nộp bài: Thứ, ngày/.....



Vocabulary & Grammar:.....

Listening:

Mini Test:

GLOBAL ENGLISH 6

Unit 7 & 8 - Vocabulary Revision

❖ Lưu ý: Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới 1 dòng để ghi nhớ.

A. EXTRA VOCABULARY

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	busy with (adj)	bận rộn với	5	work on (phr.v)	làm việc trên (dự án)
2	motorway (n)	đường cao tốc	6	individual (n)	cá nhân
3	do something for a living (phr.v)	làm gì đó để kiếm sống	7	full-length (adj)	trọn vẹn, đầy đủ
4	department (n)	phòng ban, bộ phận	8	surprisingly (adv)	một cách đáng ngạc nhiên

❖ Note : n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ; adv = adverb: phó từ.

❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép vào vở mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.

B. HOMEWORK

Exercise 1: Match the words with their definitions.

Words	Definitions
0. animation	A. to burst with a loud noise and throw pieces everywhere
1. explode	B. to laugh quietly in a mean or silly way
2. infographic	C. a visual image that shows information clearly
3. bump into	D. to move your body lower, touching the ground with hands and knees
4. get down on your hands	E. to meet someone by accident
5. snigger	F. moving pictures that make drawings look alive

Your answer:

0 - <u>F</u>	1 - _____	2 - _____	3 - _____	4 - _____	5 - _____
--------------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------

Exercise 2: Circle the correct answer.

0. She was so _____ after running 10 kilometers that she needed to rest.

A. noble

B. frighten

C. exhausted

1. The firefighter bravely entered the building despite the _____ of the fire.

A. blaze

B. noble

C. ripe

2. He is _____ playing video games even though he knew it was bad for him.

A. carry on

B. put up

C. addicted to

3. The teacher asked the students to stop talking because they were _____ their classmates from studying.

A. inhabiting

B. distracting

C. insisting

Con làm bài nghe theo link sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/ket-cup-3-test-1-part-1>

PART 1

QUESTIONS 1-5

You will hear five short conversations.

You will hear each conversation twice.

There is one question for each conversation.

For questions 1-5, put a tick under the right answer.

EXAMPLE

0 How many people were at the meeting?

3

A

13

B

30

C

1 When did Gary start his new job?

MARCH

A

APRIL

B

MAY

C

2 What time does the film start?

4.30
and
7.00

A

4.30
and
7.30

B

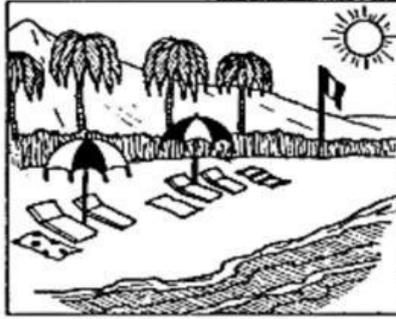
4.00
and
7.30

C

3 What was the weather like on Saturday?



A

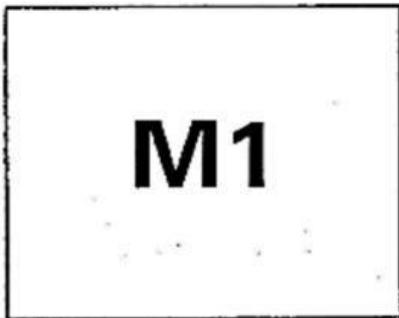


B

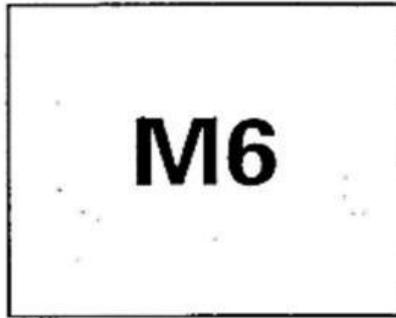


C

4 Which motorway will they take?



A

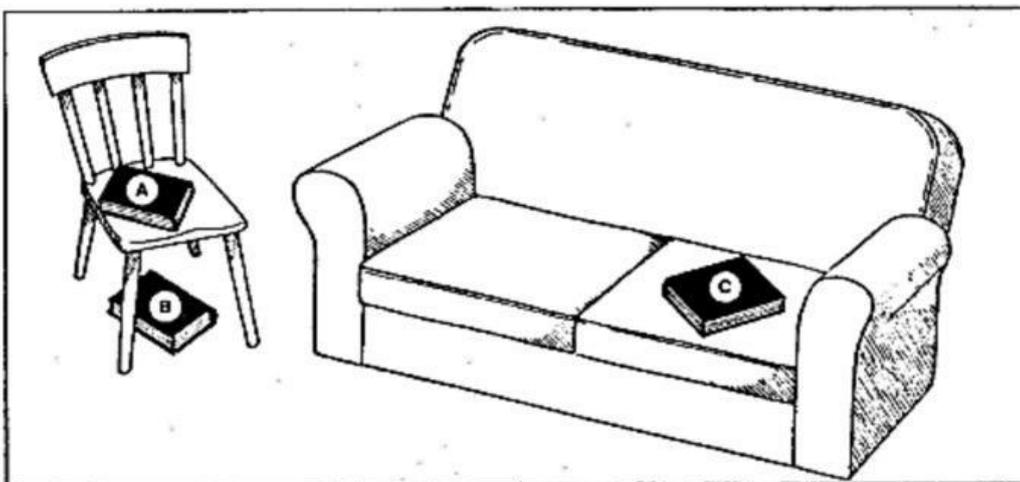


B



C

5 Which book does Lorna want?



A

B

C



Con làm bài nghe theo link sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/b1-preliminary-1-test-2-part-3>

Part 3

Questions 14–19

For each question, write the correct answer in the gap.

Write **one words** or/with a **number** or a **date** or a **time**.

You will hear a woman called Kelly Robinson talking about her work as a maker of cartoon films.

The maker of cartoon films

Kelly studied (14) _____ at university.

Kelly likes her job because of the (15) _____ at work.

Kelly's team makes (16) _____ in cartoons.

Kelly is learning new (17) _____ skills.

It takes Kelly's company (18) _____ to make a long cartoon film.

Kelly's next work will be some cartoons for (19) _____.